TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: **240**/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 99/2026/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:
Ông Đỗ Hoàng H, sinh ngày 03/6/1969
CCCD số: 079069005257 do Bộ Công an cấp ngày 18/9/2024
Địa chỉ: 153 Đường Đ, phường TH, Thành phố Chí Minh.

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:
Bà Lê Thị N, sinh ngày 01/02/1984;
CCCD số: 038184025870 do Bộ Công an cấp ngày 10/11/2025
Địa chỉ: 153 Đường Đ, phường TH, Thành phố Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Hoàng H và Bà Lê Thị N thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên Đỗ Hoàng M, sinh ngày 24/12/2007 (đã thành niên) và Đỗ Minh Q, sinh ngày 21/01/2013. Con chung đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết, con chung Đỗ Minh Q hai bên thỏa thuận sau khi ly hôn sẽ do ông Đỗ Hoàng H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, bà Lê Thị N không cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng do ông Đỗ Hoàng H tự nguyện nộp toàn bộ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Hoàng H và bà Lê Thị N thuận tình ly hôn.

(Ông Đỗ Hoàng H và bà Lê Thị N đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 219, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân Phường F, quận TB (nay là phường TH), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/12/2007).

- Về con chung: Có 02 con chung tên Đỗ Hoàng M, sinh ngày 24/12/2007 (đã thành niên) và Đỗ Minh Q, sinh ngày 21/01/2013.

Ông Đỗ Hoàng H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên tên Đỗ Minh Q, sinh ngày 21/01/2013; tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà Lê Thị N do ông Hảo không có yêu cầu.

* Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

* Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng ông Đỗ Hoàng H tự nguyện nộp toàn bộ được cấn trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí do ông Đỗ Hoàng H đã nộp theo biên lai thu số 0007640 ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND khu vực 4 – TP.HCM
- UBND phường TH, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 4 – TP.HCM;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Trần Thanh Vân